|  |  |
| --- | --- |
| **CTY CP CUNG ỨNG VÀ DVKT HÀNG HẢI***Số :70 / Ban TT* | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do – Hạnh phúc****\*\*\*\*\*\*\*\****Hải Phòng, ngày 24 tháng 08 năm 2016* |

**BẢN GIẢI TRÌNH SỐ LIỆU 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016**

 **Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tổ chức niêm yết: **Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch Vụ Kỹ Thuật Hàng Hải**

Địa chỉ Trụ sở chính: Số 8A đường Vạn Mỹ , Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền , thành phố Hải Phòng.

Giấy chứng nhận ĐKKD số 0200563063 Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch Vụ Kỹ Thuật Hàng Hải do Sở Kế hoạch & Đầu tư phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 29 tháng 09 năm 2003 và cấp thay đổi lần thứ 14 vào ngày 28 tháng 7 năm 2016.

 Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch Vụ Kỹ Thuật Hàng Hải xin giải trình về số liệu báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 so với cùng kỳ năm ngoái của Công ty như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHỈ TIÊU** | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 | **Chênh lệch tăng ( giảm)** | **Tỷ lệ tăng (giảm)** |
| 1 | 2 | 3 | **4** | **5** |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ |  80,181,959,012  |  61,892,034,966  |  **18,289,924,046**  | **30** |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu |  144,655,945  |   |  **144,655,945**  |  |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) |  80,037,303,067  |  61,892,034,966  |  **18,145,268,101**  | **29** |
| 4. Giá vốn hàng bán |  63,898,240,508  |  46,380,779,928  |  **17,517,460,580**  | **38** |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) |  16,139,062,559  |  15,511,255,038  |  **627,807,521**  | **4** |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính |  6,832,320,176  |  1,794,049,120  |  **5,038,271,056**  | **281** |
| 7. Chi phí tài chính |  606,943,949  |  231,286,214  |  **375,657,735**  | **162** |
|  - Trong đó : Chi phí lãi vay |  595,543,562  |  333,212,101  |  **262,331,461**  | **79** |
| 8. Chi phí bán hàng |  627,874,246  |  788,813,678  |  **(160,939,432)** | **-20** |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp |  8,341,040,664  |  6,632,914,867  |  **1,708,125,797**  | **26** |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh  {30=20+(21-22)-(25+26)} |  13,395,523,876  |  9,652,289,399  |  **3,743,234,477**  | **39** |
| 11. Thu nhập khác |  344,238,591  |  950,732,228  |  **(606,493,637)** | **-64** |
| 12. Chi phí khác |  61,063,136  |  164,812,627  |  **(103,749,491)** | **-63** |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) |  283,175,455  |  785,919,601  |  **(502,744,146)** | **-64** |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) |  13,678,699,331  |  10,438,209,000  |  **3,240,490,331**  | **31** |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành |  2,409,190,933  |  1,910,073,593  |  **499,117,340**  |  |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại |   |   |  **-**  |  |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) |  11,269,508,398  |  8,528,135,407  |  **2,741,372,991**  | **32** |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (\*) |  860  |  1,347  |  |  |

1. Về doanh thu: Doanh thu thuần 6 tháng đầu năm 2016 tăng 29 % so với cùng kỳ năm ngoái tương đương số tiền 18.145.268.101 đồng là do trong 6 tháng đầu năm 2016 sản lượng dịch vụ cơ khí tăng, đặc biệt sửa chữa cont cho hãng tàu Maersk tăng.
2. Giá vốn bán hàng 6 tháng đầu năm 2016 tăng 38% so với cùng kỳ năm ngoái do sản lượng, chi phí giá thành tăng, giá bán giảm do thị trường cạnh tranh và chi phí tiền lương, các khoản trích theo lương tăng do nhu cầu tuyển dụng và đào tạo lao động đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường.
3. Về lợi nhuận gộp bán hàng 6 tháng đầu năm 2016 tăng hơn cung kỳ năm ngoái với số tiền là 627.807.521 đồng do sản lượng tăng.
4. Doanh thu hoạt động tài chính 6 tháng đầu năm 2016 tăng 5.038.271.056 đồng so với cùng kỳ năm ngoái do trong 6 tháng đầu năm 2016 có thu lãi từ hoạt động đầu tư và thu hồi góp vốn đầu tư.
5. Chi phí tài chính 6 tháng đầu năm 2016 tăng 375.657.735 đồng so với cùng kỳ năm ngoái do trong 6 tháng đầu năm 2016 có tăng khoản vay trung hạn.
6. Chi phí bán hàng 6 tháng đầu năm 2016 giảm hơn cùng kỳ năm ngoái là 20% tương ứng với số tiền 160.939.432 đồng, là do trong 6 tháng đầu năm 2016 sản lượng cung ứng nước giảm.
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2016 tăng hơn cùng kỳ năm ngoái là 26% là do do trong 6 tháng đầu năm 2016 chi phí tiền lương, các khoản trích theo lương tăng.
8. Lợi nhuận khác 6 tháng đầu năm 2016 giảm so với cùng kỳ năm ngoái do trong 6 tháng đầu năm 2015 có thanh lý tài sản.
9. Về lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2016 tăng hơn cùng kỳ năm ngoái với số tiền 2.741.372.991 đồng là do sản lượng tăng và thu lãi từ hoạt động đầu tư.

Trên đây là bản giải trình chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016 so với cùng kỳ năm ngoái.

Chúng tôi cam đoan những thông tin trong bản giải trình này chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

 **CÔNG TY CP CUNG ỨNG VÀ DVKT HÀNG HẢI**